

MỨC ĐỘ TƯ DUY ĐẠO ĐỨC CỦA SINH VIÊN ĐIỀU DƯỠNG HỆ CHÍNH QUY VÀ MỘT SỐ YẾU TỐ LIÊN QUAN

NGUYỄN HOÀNG LONG¹, VŨ DŨNG²

¹Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Vinmec, Hà Nội

²Đại học Thăng Long

TÓM TẮT

Nghiên cứu này được tiến hành nhằm đánh giá mức độ tư duy đạo đức (MĐTDĐĐ) và một số yếu tố liên quan ở sinh viên điều dưỡng. Mức độ tư duy đạo đức được đánh giá bằng bộ câu hỏi Nursing Dilemmas Test trên 183 sinh viên tại Trường đại học Thăng Long. Kết quả cho thấy điểm trung bình về MĐTDĐĐ ở mức khá. Tỷ lệ sinh viên có tư duy ở mức kém, trung bình, khá, tốt lần lượt là 0%, 50,3%, 47,0% và 2,7%. Không có mối liên quan giữa tuổi và MĐTDĐĐ. Đồng thời, không có sự khác biệt về MĐTDĐĐ giữa sinh viên các năm học 2, 3, và 4; đã và chưa đi học lâm sàng; đã và chưa học môn đạo đức y học; giữa nam và nữ; và giữa sinh viên có và không có thành viên trong gia đình làm nghề y ($p > 0,05$). Kết quả nghiên cứu cho thấy cần có biện pháp can thiệp để nâng cao MĐTDĐĐ của sinh viên điều dưỡng lên bậc cao hơn.

Từ khóa: Đạo đức y học, đạo đức điều dưỡng, sinh viên điều dưỡng.

SUMMARY

FACTORS ASSOCIATED TO ETHICAL REASONING LEVELS OF NURSING STUDENTS

This study aimed to examine ethical reasoning levels of nursing students. One hundred and eighty-three students were interviewed by the Nursing Dilemmas Test, a self-administered questionnaire. The results showed that ethical reasoning level of students was moderate. The prevalences of students with moderate, high, and very high reasoning levels were 50.3%, 47%, and 2.7%, respectively. No students were categorized as having low reasoning level. There were no significant differences between students across groups of different age, gender, years of study. Additionally, no differences were found between students those who have and have not started their clinical practice, those who have and have not completed the medical ethics course, and those who have and do not have relatives working in healthcare system ($p > 0.05$). The results suggested that there is a critical need for the improvement of ethical reasoning of nursing students.

Keywords: Medical ethics, nursing ethics, nursing student.

Chịu trách nhiệm: Nguyễn Hoàng Long
Địa chỉ: Bệnh viện ĐKQT Vinmec, Hà Nội
Email: long.51@hotmail.com
Ngày nhận: 05/1/2017
Ngày phân biên: 16/1/2017
Ngày duyệt bài: 08/2/2017
Ngày xuất bản: 20/2/2017

ĐẶT VẤN ĐỀ

Đạo đức đã là một thành phần cơ bản không thể thiếu trong thực hành điều dưỡng. Hàng ngày, người điều dưỡng liên tục phải ra các quyết định cho rất nhiều tình huống mang tính đạo đức [2]. Để chuẩn bị cho quá trình hành nghề, sinh viên phải học và thực hành các quy định đạo đức nghề nghiệp ngay từ khi trong trường. Tuy nhiên thực tế cho thấy, rất nhiều sinh viên không có đủ năng lực để đương đầu với các tình huống khó xử khi thực hành [2]. Thực tế này đặt ra yêu cầu đối với các cơ sở đào tạo là phải nâng cao năng lực tư duy của sinh viên trước các vấn đề đạo đức trên lâm sàng.

Theo Kohlberg (1976), để ra quyết định trước một vấn đề đạo đức nào đó, con người nói chung phải trải qua một quá trình tư duy. Ở mức độ tư duy thấp nhất, con người đưa ra các quyết định chủ yếu dựa vào nhu cầu cá nhân mình mà không quan tâm đến các quy định, quy tắc xã hội. Ở bậc tư duy cao hơn, các quyết định được đưa ra tuân theo các luật lệ, quy ước, và quy định xã hội hoặc của nơi mình làm việc. Những người có bậc tư duy cao hơn nữa sẽ xem xét tổng thể các quy tắc đạo đức, quy tắc xã hội và giá trị của bản thân mình để đưa ra quyết định [2]. Nhiều tác giả đã thuyết rằng khi đạt được cấp độ tư duy đạo đức ở mức cao thì sinh viên sẽ thực hành một cách có đạo đức sau khi tốt nghiệp [4].

Tuy nhiên, một số số liệu nghiên cứu trước đây trên thế giới cho thấy cấp độ tư duy đạo đức nghề nghiệp của sinh viên còn ở mức trung bình [3]. Thậm chí, trình độ tư duy đạo đức nghề nghiệp của sinh viên năm thứ tư không cao hơn của sinh viên năm thứ nhất [4]. Con số này gợi ý rằng việc đào tạo về năng lực tư duy đạo đức nghề nghiệp ở các trường điều dưỡng còn hạn chế. Tuy nhiên, hiện chưa có nghiên cứu nào ở Việt Nam đánh giá cấp độ tư duy đạo đức nghề nghiệp của sinh viên hiện tại ra sao để có biện pháp cải thiện. Do đó, nghiên cứu này được tiến hành nhằm đánh giá mức độ tư duy đạo đức nghề nghiệp và các yếu tố liên quan trên sinh viên điều dưỡng.

PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Thiết kế và thời gian nghiên cứu: Nghiên cứu mô tả cắt ngang, tiến hành từ tháng 2 đến tháng 9 năm 2015.

Đối tượng nghiên cứu: Nghiên cứu được tiến hành trên sinh viên điều dưỡng hệ chính quy của Trường đại học Thăng Long. Số liệu được thu thập ở thời điểm sinh viên năm thứ nhất chưa nhập học nên chỉ có 183 sinh viên từ năm thứ 2 đến năm thứ 4 tham gia.

Bộ công cụ và phương pháp thu thập số liệu: Số liệu nghiên cứu được thu thập bằng phương pháp phát vấn. Các thông tin cơ bản về tuổi, giới, năm học,

gia đình... được thu thập bằng bộ câu hỏi nhân khẩu học do nghiên cứu viên tự thiết kế. Bộ công cụ thứ hai là bản dịch tiếng Việt từ bộ câu hỏi Nursing Dilemmas Test (NDT) của Krishnam [1]. Thang đo này bao gồm 6 tình huống đạo đức khó xử đặc thù cho điều dưỡng viên. Các tình huống bao gồm 1) cứu hay không cứu bé sơ sinh bị dị tật, 2) cưỡng chế hay không cưỡng chế tiêm thuốc người bệnh, 3) tiến hành cấp cứu hay không cấp cứu cho bệnh nhân yêu cầu được chết, 4) hướng dẫn hay không hướng dẫn điều dưỡng học việc khi bệnh nhân của mình đang quá tải, 5) báo cáo hay không báo việc tiêm nhầm thuốc cho bệnh nhân khi bệnh nhân đã chuẩn bị được xuất viện, và 6) nói hay không nói chẩn đoán ung thư cho bệnh nhân biết khi gia đình yêu cầu không nói.

Để nhận định mức độ tư duy của người trả lời, mỗi tình huống đưa ra 6 vấn đề mà điều dưỡng cần phải xem xét khi đưa ra quyết định nên làm gì. Nhiệm vụ của người trả lời là sắp xếp mức độ quan trọng của từng vấn đề đó theo thứ tự từ quan trọng nhất đến ít quan trọng nhất. Dựa vào cách sắp xếp 6 vấn đề đó có thể tính được điểm số về mức độ tư duy của người trả lời. Với 6 tình huống, tổng điểm tư duy đạo đức nghề nghiệp có thể có thay đổi từ 18 đến 66 điểm. Điểm càng lớn thể hiện mức độ tư duy càng ở mức cao.

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Bảng 1. Đặc điểm chung (n = 183)

Biến số	Tần số	%
<i>Tuổi (min-max: 18 – 25 tuổi)</i>	20,31 ± 1,29 ($\bar{X} \pm SD$)	
<i>Năm học</i>		
Năm thứ 2	64	35,0
Năm thứ 3	69	37,7
Năm thứ 4	50	27,3
<i>Giới</i>		
Nam	40	21,9
Nữ	143	78,1
<i>Học lâm sàng</i>		
Đã đi	64	35,0
Chưa đi	119	65,0
<i>Gia đình có người làm ngành y</i>		
Không	91	49,7
Có	92	50,3
<i>Học môn Y đức</i>		
Chưa học	66	36,1
Đã học	117	63,9

Độ tuổi trung bình của nhóm nghiên cứu là 20,31 tuổi với đa phần là nữ (78,1%). Số lượng sinh viên ở các năm học từ năm thứ 2 đến năm thứ 4 khá đồng đều (27,3% - 37,7%). Hơn một phần ba (35%) số sinh viên chưa đi học lâm sàng. Một nửa số sinh viên (50,3) có người thân trong gia đình là nhân viên y tế.

Bảng 2. Mức độ tư duy đạo đức nghề nghiệp của sinh viên (n = 183)

	Min - Max	$\bar{X} \pm SD$	Tần số	%
Điểm tư duy đạo đức nghề nghiệp	30 - 57	43,57 ± 5,29		
<i>Phân loại</i>				
Cao (> 54 - ≤ 66)			5	2,7
Khá (> 42 - ≤ 54)			86	47,0
Trung bình: (> 30 - ≤ 42)			92	50,3
Thấp (> 18 - ≤ 30)			0	0

Điểm trung bình về cấp độ tư duy đạo đức nghề nghiệp của sinh viên ở mức khá (43,57 ± 5,29). Một nửa số sinh viên có cấp độ tư duy ở mức trung bình (50,3%), chỉ có 2,7% có cấp độ tư duy ở mức cao và không có sinh viên nào ở cấp độ tư duy mức thấp.

Bảng 3. Sự khác biệt về mức độ tư duy đạo đức nghề nghiệp giữa các nhóm đối tượng nghiên cứu (n = 183)

Biến số	Trung bình điểm tư duy	t	p
<i>Tuổi</i>	r = 0,016*		0,89
<i>Năm học</i>			
Năm thứ 2	43,20 ± 4,412	1,17**	0,31
Năm thứ 3	43,62 ± 5,154		
Năm thứ 4	42,14 ± 6,379		
<i>Học lâm sàng</i>			
Đã đi	43,20 ± 5,722	-0,25	0,81
Chưa đi	43,00 ± 4,412		
<i>Giới</i>			
Nam	42,58 ± 6,017	-0,67	0,51
Nữ	43,21 ± 5,082		
<i>Gia đình có người làm ngành y</i>			
Không	43,10 ± 5,145	-0,07	0,94
Có	43,04 ± 5,457		
<i>Học môn Y đức</i>			
Chưa học	43,24 ± 4,674	-0,33	0,74
Đã học	42,97 ± 5,624		

*Hệ số tương quan Pearson

** Giá trị F, ANOVA

Kết quả cho thấy không có mối liên quan có ý nghĩa thống kê giữa tuổi và mức độ tư duy đạo đức của sinh viên. Kết quả so sánh từ t-test và phân tích phương sai (ANOVA) cho thấy không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê về cấp độ tư duy đạo đức nghề nghiệp giữa sinh viên ở tất cả các nhóm biến số về giới tính, năm học... (p > 0,05).

BÀN LUẬN

Kết quả nghiên cứu cho thấy tư duy đạo đức nói chung của nhóm nghiên cứu ở mức độ khá (43,57 ± 5,29). Kết quả này phù hợp với các kết quả nghiên cứu ở nước ngoài đã được công bố. Tổng quan của Casterle và cộng sự cho thấy hầu hết các nghiên cứu trên thế giới đều chỉ ra mức độ tư duy về đạo đức của điều dưỡng viên hiện ở mức độ khá [2]. Có thể thấy, mức độ tư duy của sinh viên điều dưỡng trong nghiên cứu này không quá thấp nhưng cũng không quá cao. Đó là tín hiệu đáng mừng nhưng cũng đặt ra cho các cơ sở đào tạo vấn đề về nâng cao khả năng tư duy đạo đức của sinh viên ngay từ trong trường.

Tuy nhiên, khi xem xét đến tỷ lệ ở từng mức độ tư duy thì kết quả nghiên cứu này cho thấy vấn đề rất đáng quan tâm khi tỷ lệ sinh viên có mức độ tư duy đạo đức trung bình chiếm tới 50,3%, còn lại 49,7% là tư duy ở mức độ khá và tốt. Kết quả này thấp hơn kết quả nghiên cứu của Keterfian và cộng sự [4] với 95% số điều dưỡng được hỏi tư duy ở mức độ khá. Mặc dù Keterfian và cộng sự nghiên cứu trên điều dưỡng viên tại bệnh viện, đây là các đối tượng đã tiếp xúc nhiều với các tình huống đạo đức thực tế khi làm việc, trong khi nghiên cứu này nghiên cứu trên đối

tượng sinh viên, nhưng sự khác biệt khá rõ rệt về trình độ tư duy đạo đức giữa hai đối tượng này cho thấy còn một khoảng cách rất lớn mà các đơn vị đào tạo phải giúp sinh viên nâng cao để chuẩn bị làm việc trong tương lai.

Nghiên cứu này không tìm thấy mối liên quan nào giữa tuổi và mức độ tư duy đạo đức ($r = 0,016$, $p > 0,05$). Điều này có thể là do các tình huống đạo đức được đưa ra mang tính đặc thù về nghề nghiệp chứ không liên quan nhiều đến kinh nghiệm sống cá nhân (thể hiện bằng tuổi đời) của người được hỏi. Tuy nhiên, điểm đáng chú ý là kết quả nghiên cứu không tìm thấy sự khác biệt nào về mức độ tư duy giữa sinh viên ở các năm học khác nhau và giữa sinh viên đã đi với chưa đi lâm sàng. Một số tác giả trên thế giới cũng không tìm thấy sự khác nhau về trình độ tư duy giữa sinh viên điều dưỡng từ năm thứ nhất đến năm thứ tư [4]. Kết quả này cho thấy điểm thiếu sót rất đáng lưu tâm trong việc tích hợp các nội dung liên quan đến đạo đức nghề nghiệp một cách xuyên suốt vào các môn học, từ lý thuyết đến thực hành, để phát triển năng lực tư duy đạo đức của sinh viên trong suốt chương trình từ năm thứ nhất đến khi tốt nghiệp.

Đáng chú ý, kết quả nghiên cứu không cho thấy sự khác biệt có ý nghĩa thống kê nào giữa mức độ tư duy của sinh viên đã học và các sinh viên chưa học học phần đạo đức y học trong chương trình ($p > 0,05$). Mặc dù nghiên cứu không xem xét đến sự ảnh hưởng một yếu tố quan trọng là kết quả học môn học này của sinh viên đến mức độ tư duy của chính sinh viên đó, kết quả này vẫn cho thấy rất cần phải có sự nâng cao chất lượng giảng dạy môn học này, nhằm tạo ra sự khác biệt rõ rệt về khả năng tư duy đạo đức cho sinh viên, chuẩn bị cho sinh viên hoàn toàn sẵn sàng đương đầu với các tình huống đạo đức khó xử khi bắt đầu tiếp xúc với thực tế lâm sàng.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Nghiên cứu về mức độ tư duy đạo đức của 183 sinh viên điều dưỡng chính quy cho thấy điểm trung bình về mức độ tư duy đạo đức nghề nghiệp của sinh viên ở mức khá ($43,57 \pm 5,29$). Tỷ lệ sinh viên có tư duy ở mức trung bình, khá và tốt lần lượt là 50,3%, 47,0% và 2,7%. Không có sinh viên nào có tư duy ở mức thấp.

Không có mối liên quan có ý nghĩa thống kê giữa tuổi và mức độ tư duy đạo đức của sinh viên điều dưỡng. Không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê về mức độ tư duy đạo đức nghề nghiệp giữa sinh viên các năm học 2, 3, và 4; giữa sinh viên đã đi học và chưa đi học lâm sàng; giữa sinh viên đã học và chưa học môn đạo đức y học trong trường; giữa sinh viên nam và nữ; và giữa sinh viên có và không có thành viên trong gia đình làm nghề y ($p > 0,05$).

Kết quả nghiên cứu cho thấy cần có biện pháp can thiệp để nâng cao mức độ tư duy đạo đức của sinh viên điều dưỡng lên bậc cao hơn. Các nghiên cứu trong tương lai có thể tìm hiểu mức độ tư duy đạo đức của sinh viên điều dưỡng ở các vùng miền cũng như các bậc học khác nhau, với cỡ mẫu lớn hơn và xem xét thêm các yếu tố liên quan đến mức độ tư duy có thể thay đổi được trên sinh viên.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Crisham, Patricia (1979), *Moral Judgement of Nurses in Hypothetical and Nursing Dilemmas*, Graduate School, University of Minnesota, Minnesota.
2. Dierckx de Casterle, B., et al. (2008), "Nurses' responses to ethical dilemmas in nursing practice: meta-analysis", *J Adv Nurs*. 63(6), pp. 540-9.
3. Ham, K. (2004), "Principled thinking: a comparison of nursing students and experienced nurses", *J Contin Educ Nurs*. 35(2), pp. 66-73.
4. Ketefian, S. (1981), "Moral reasoning and moral behavior among selected groups of practicing nurses", *Nurs Res*. 30(3), pp. 171-6.

HIỆU QUẢ CỦA CAN THIỆP BỔ SUNG BỮA ĂN BẰNG NGUỒN THỰC PHẨM SẴN CÓ CỦA ĐỊA PHƯƠNG ĐẾN VIỆC CẢI THIỆN TÌNH TRẠNG DINH DƯỠNG THẤP CÒI CỦA TRẺ EM TẠI HUYỆN TIỀN LŨ - HƯNG YÊN

NGUYỄN ANH VŨ¹, LÊ THỊ HƯƠNG²,
PHẠM THỊ THÚY HÒA³, ĐOÀN THỊ THU HUYỀN²

¹Tổ chức Tầm nhìn Thế giới Việt Nam,

²Viện Đào tạo Y học Dự phòng và YTCC,

³Viện Dinh Dưỡng

TÓM TẮT

Thiết kế nghiên cứu thử nghiệm can thiệp tại cộng đồng có đối chứng trên 130 trẻ bị suy dinh dưỡng thể thấp còi trong độ tuổi từ 12-23 tháng tại huyện Tiên Lữ tỉnh Hưng Yên. Mục tiêu của nghiên cứu nhằm đánh giá hiệu quả của mô hình can thiệp bổ sung bữa ăn bằng nguồn thực phẩm sẵn có tại địa phương đến việc cải thiện tình trạng suy dinh dưỡng

Chịu trách nhiệm: Nguyễn Anh Vũ
Địa chỉ: Tổ chức Tầm nhìn Thế giới Việt Nam
Email: nguyen_anh_vu@wvi.org
Ngày nhận: 03/1/2017
Ngày phản biện: 20/1/2017
Ngày duyệt bài: 06/2/2017
Ngày xuất bản: 20/2/2017